

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 346/2022/HS-PT

Ngày: 18/5/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà;

Các Thẩm phán: Ông Thái Duy Nhiệm;
Ông Bùi Xuân Trọng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hải An - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Khúc Thị Hoàng Hạnh - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 18 tháng 05 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 214/2022/TLPT-HS ngày 01 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Trọng T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2022/HS-ST ngày 19 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố H.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Trọng T**, sinh năm 2001; Nơi cư trú: khu phố B1, phường T2, thị xã T1, tỉnh B; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trọng M và bà Nguyễn Thị N; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị bắt truy nã ngày 04/5/2021 và bị tạm giam đến nay. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Ngô Thế H1 và ông Đào Nguyên T3 - Luật sư Công ty Luật TNHH H2 Việt Nam; có mặt Luật sư T3.

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị hại không kháng cáo, không bị kháng nghị, không liên quan đến nội dung kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung

vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối năm 2019, Nguyễn Trọng T sử dụng tài khoản Facebook “Nguyễn Trọng T” tham gia các nhóm về mua bán thẻ cào điện thoại và thanh toán cước thuê bao di động trên mạng internet. T thấy các thành viên đăng bài viết, sau đó chuyển tiền cho nhau để thanh toán các đơn hàng mua bán thẻ điện thoại, thanh toán cước thuê bao di động nhanh chóng và được hưởng chiết khấu cao. T nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền bằng thủ đoạn liên tục đăng các bài viết trên tài khoản Facebook của mình quảng bá có thể thanh toán hộ cước điện thoại cho các khách hàng đăng ký cước di động trả sau với mức chiết khấu cao từ 29% đến 34%, khách hàng chỉ nộp số tiền tương ứng từ 66% đến 71% tổng số tiền cước điện thoại phải thanh toán. Với thủ đoạn trên, Nguyễn Trọng T đã chiếm đoạt tiền của một số người cụ thể như sau:

1. Anh Đào Quang V làm dịch vụ thu tiền cước viễn thông của mạng Viettel trả sau để hưởng chiết khấu từ nhà mạng. Khoảng giữa năm 2019 anh V biết Nguyễn Trọng T thông qua ứng dụng Facebook, anh V thấy trang Facebook của T đăng các bài viết với nội dung nhận thanh toán tiền cước điện thoại với chiết khấu cao cho khách hàng. Đầu tháng 01/2020, anh V gặp và trao đổi với T để thanh toán tiền cước điện thoại cho các khách hàng của anh V, T hứa thanh toán tiền cước điện thoại cho các khách hàng của anh V với chiết khấu là 31% trên tổng số tiền cước phải thanh toán.

Đầu tháng 01/2020, anh V nhận thanh toán cho 50 khách hàng sử dụng số điện thoại của mạng Viettel với số tiền phải thanh toán là 45.000.000 đồng. Các ngày 03/01/2020 và ngày 07/01/2020, anh V thực hiện 02 giao dịch chuyển khoản từ tài khoản của anh V vào tài khoản số 0550138689999 của T tại Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội với số tiền 32.000.000 đồng (anh V giữ lại 31%, tương đương số tiền 13.000.000 đồng). T hứa thanh toán tiền xong cho các chủ thuê bao di động vào ngày 20/01/2020 không thực hiện mà chiếm đoạt số tiền anh V chuyển rồi chi tiêu cá nhân hết.

Quá trình điều tra, T đã trả anh V số tiền 3.000.000 đồng. Anh V yêu cầu bồi thường số tiền 29.000.000 đồng và đề nghị xử lý T theo quy định của pháp luật.

2. Anh Ngô Tiến T4 làm dịch vụ thanh toán tiền cước điện thoại để hưởng chiết khấu từ nhà mạng. Anh T4 thấy trên trang Facebook của T đăng các bài viết với nội dung nhận thanh toán tiền cước điện thoại với chiết khấu cao cho khách hàng. Đầu tháng 01/2020, anh T4 chuyển tiền để T thanh toán tiền cước điện

thoại cho các khách hàng của mình để hưởng chiết khấu cao hơn. T đồng ý thanh toán tiền cước điện thoại cho các khách hàng của anh T4 với chiết khấu là 31% trên tổng số tiền cước thanh toán.

Tháng 01/2020, anh T4 nhận thanh toán tiền cước cho 60 khách hàng của mạng Viettel, với tổng số tiền là 58.000.000 đồng. Ngày 10/01/2020 anh T4 thực hiện 02 giao dịch chuyển khoản từ tài khoản của anh T4 vào tài khoản số 0550138689999 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội của T với số tiền 40.020.000 đồng (anh T4 giữ lại 31%, tương đương số tiền 17.980.000 đồng). T hứa thanh toán tiền cước cho khách hàng của anh T4 vào ngày 18/01/2020 nhưng không thực hiện mà chiếm đoạt rồi chi tiêu cá nhân hết.

Quá trình điều tra, T đã trả anh T4 số tiền 3.000.000 đồng. Anh T4 yêu cầu bồi thường số tiền 37.020.000 đồng và đề nghị xử lý T theo quy định của pháp luật.

3. Anh Lê Quang H1 làm dịch vụ thanh toán tiền cước điện thoại để hưởng chiết khấu từ nhà mạng. Anh H1 biết Nguyễn Trọng T thông qua ứng dụng Facebook, đầu tháng 01/2020 anh H1 chuyển tiền để T thanh toán tiền cước điện thoại cho các khách hàng của mình để hưởng chiết khấu cao hơn. T đồng ý thanh toán tiền cước điện thoại cho các khách hàng của anh H1 với chiết khấu là 31% trên tổng số tiền cước thanh toán. Tổng số tiền T nhận của anh H1 để thanh toán cước điện thoại cho khách hàng của anh H1 là 37.400.000 đồng. Tuy nhiên, T không thanh toán tiền cước cho các khách hàng của anh H1 mà chiếm đoạt rồi chi tiêu cá nhân hết.

Quá trình điều tra, T đã trả anh H1 số tiền 2.000.000 đồng. Anh H1 yêu cầu bồi thường số tiền 35.400.000 đồng và đề nghị xử lý T theo quy định của pháp luật.

4. Anh Trịnh Việt D làm tại điểm cung cấp dịch vụ di động Viettel tại thị trấn Vạn Hà, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hóa. Anh D thấy trên trang Facebook của T đăng các bài với nội dung nhận thanh toán cước điện thoại với chiết khấu cao cho khách hàng.

Tháng 01/2020, anh D trao đổi để T thanh toán tiền cước điện thoại với số tiền hơn 700 triệu đồng, T đồng ý và hẹn thanh toán tiền cước cho khách hàng của anh D vào ngày 18/01/2020 với chiết khấu 31% trên tổng số tiền cước thanh toán. Các ngày 04/01/2020, ngày 05/01/2021 và ngày 14/01/2020, anh D thực hiện 04 giao dịch chuyển khoản vào tài khoản số 0550138689999 của T tại Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội với số tiền 487.910.000 đồng để thanh

toán tiền cước điện thoại. T không thực hiện thanh toán tiền cước cho các khách hàng của anh D mà chiếm đoạt rồi chi tiêu cá nhân hết.

Anh D yêu cầu bồi thường số tiền 487.910.000 đồng và đề nghị xử lý T theo quy định của pháp luật.

5. Chị Đào Thị H4 làm dịch vụ thanh toán cước điện thoại để hưởng chiết khấu từ nhà mạng Viettel. Chị H4 thấy trên trang Facebook của T đăng các bài viết làm dịch vụ thanh toán cước điện thoại với chiết khấu cao cho khách hàng, đầu tháng 01/2020 chị H4 trao đổi để T thanh toán tiền cước điện thoại cho các khách hàng của chị H4, T đồng ý thanh toán tiền cước cho khách hàng của chị H4 sau 05 ngày tính từ ngày chị H4 chuyển tiền, mức chiết khấu là 31% trên tổng số tiền thanh toán. Ngày 09/01/2020 chị H4 chuyển khoản vào tài khoản số 0550138689999 của T tại Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội với số tiền 38.790.000 đồng. T không thực hiện thanh toán cước điện thoại cho các khách hàng của chị H4 mà chiếm đoạt rồi chi tiêu cá nhân hết.

Chị H4 yêu cầu bồi thường số tiền 38.790.000 đồng và đề nghị xử lý T theo quy định của pháp luật.

Sau khi anh D và chị H4 đã chuyển tiền cho Nguyễn Trọng T, nhưng T không thực hiện thanh toán tiền cước viễn thông và cũng trả lại tiền cho anh, chị. Ngày 18/01/2020, anh D và chị H4 gặp T tại quán cà phê trên đường Bưởi, tại đây T tự viết “Giấy biên nhận tiền” đề ngày 18/01/2020 với nội dung: T đã nhận 526.700.000 đồng của anh D để thanh toán cước Viettel trả sau và hẹn đến ngày 05/02/2020 sẽ trả cho anh D.

Bản kết luận giám định số 4163/KLGD-PC09-Đ4 ngày 16/6/2020 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an thành phố H kết luận: Chữ viết, chữ ký trên “Giấy biên nhận tiền” đề ngày 18/01/2020 là do Nguyễn Trọng T viết và ký ra.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2022/HSST ngày 19 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố H đã tuyên bố bị cáo Nguyễn Trọng T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng T 12 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/5/2021. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự buộc bị cáo phải trả lại cho anh: Đào Quang V 29.000.000 đồng; anh Ngô Tiến T4 37.020.000 đồng; anh Lê

Quang H1 35.400.000 đồng; anh Trịnh Việt D 487.910.000 đồng và chị Đào Thị H4 38.790.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 27 tháng 01 năm 2022, bị cáo Nguyễn Trọng T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, xác định khi các bị hại chuyển tiền cước phí điện thoại có chuyển theo danh sách các số thuê bao và cho rằng đã thanh toán giảm cước cho các bị hại từ 1 đến 2 lần nên được tin tưởng. Bị cáo không có ý định lừa đảo họ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Trọng T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174; áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo 12 năm tù là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm, gia đình bị cáo xuất trình biên lai thể hiện tiếp tục khắc phục số tiền 10.000.000đồng. Căn cứ quyết định của bản án sơ thẩm thấy số tiền khắc phục là không đáng kể, do đó bị cáo không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự; Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Trọng T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo có bài bào chữa thể hiện: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Trọng T về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản là không khách quan. Cả bị cáo và các bị hại đều không phải là cộng tác viên của các công ty viễn thông, đều không có chức năng, nhiệm vụ thanh toán cước điện thoại. Bị cáo không chiếm đoạt tiền của người bị hại vì đã chủ động viết giấy nhận nợ. Nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đề nghị chuyển tội danh, xét xử bị cáo về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và giảm hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã truy tố. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cho rằng bị cáo không có hành vi lừa đảo vì đã thanh toán giảm cước cho người bị hại từ 1 đến 2 lần. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với lời khai của những người bị hại, phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Mặc dù không có khả năng thanh toán cước viễn thông với mức chiết khấu cao nhưng Nguyễn Trọng T đăng tin trên Facebook quảng cáo có khả năng thanh toán cước viễn thông với mức chiết khấu từ 29% đến 34% với mục đích chiếm đoạt tiền của những người bị hại. Bằng thủ đoạn như vậy, T đã chiếm đoạt của nhiều người với tổng số tiền 636.120.000 đồng để chi tiêu cá nhân, không có khả năng thanh toán cho người bị hại. Việc bị cáo khai đã thanh toán cước viễn thông với mức chiết khấu cao cho người bị hại nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh bị cáo đã chuyển tiền cho các Công ty viễn thông hoặc cho đầu mối trung gian khác để thanh toán cước viễn thông.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Trọng T là đặc biệt nguy hiểm, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản công dân được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến hoạt động của cơ quan, tổ chức. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Do đó không có căn cứ xem xét thay đổi tội danh như ý kiến của người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Số tiền bị cáo chiếm đoạt là 636.120.000 đồng của 05 người bị hại, quá trình điều tra T mới trả được 8.000.000 đồng; bị cáo phạm tội nhiều lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo thành khẩn khai báo; bị cáo có nhân thân tốt để áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo 12 năm tù là mức khởi điểm của khung hình phạt là phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm gia đình bị cáo xuất trình tài liệu thể hiện bị cáo có ông nội là ông Nguyễn Trọng U được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhất và hạng Ba, có bác ruột là liệt sỹ là tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Biên lai thu số tiền 10.200.000 đồng (gồm 10.000.000 đồng tiền khắc phục hậu quả và 200.000 đồng án phí sơ thẩm). Xét thấy số tiền bị cáo lừa đảo của các bị hại là 636.120.000 đồng. Tại cấp sơ thẩm bị cáo bồi thường được 8.000.000 đồng, tại cấp phúc thẩm bồi thường thêm 10.000.000 đồng, cộng bằng 18.000.000 đồng là số tiền không đáng kể so với số tiền bị cáo buộc phải bồi thường. Do đó không có căn cứ áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm hình phạt cho bị cáo.

[4] Về án phí: Bị cáo kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Trọng T. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2022/HS-ST ngày 19 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố H.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng T 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/5/2021.

Ghi nhận bị cáo đã tiếp tục bồi thường cho những người bị hại số tiền 10.000.000 đồng và nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo Biên lai thu số 0064352 ngày 12/5/2022 của Cục thi hành án dân sự thành phố H.

2. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố H;
- VKSND thành phố H;
- Cục THADS thành phố H;
- TTG thuộc Công an TP Hà Nội;
- Bị cáo (qua TTG);
- Lưu HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Thị Thu Hà